

Bản án số: 25/2022/HS-ST
Ngày 12-7- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Minh Hoạch;

Bà Vũ Thị Thanh Hoa.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Công Thương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Lương Hồng P, sinh năm 1986 tại huyện T, tỉnh Nam Định;

HKTT: Xóm A, xã C, huyện T, tỉnh Nam Định; nơi ở: Số X, phường L, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Xuân C và bà Lã Thị P; có vợ Trần Thị L đã ly hôn và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, giam giữ ngày 30 tháng 12 năm 2021; có mặt.

- Bị hại:

Bà Đặng Thị T, sinh năm 1965;

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định; có mặt.

Ông Trần Văn T1, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2007, Lương Hồng P được tuyển dụng công chức làm việc tại Chi cục Thi hành án thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Tháng 6/2014, P chuyển về công tác tại Chi cục Thi hành án huyện L, tỉnh Nam Định. Tháng 01/2017, P được bổ nhiệm chức danh Thư ký thi hành án dân sự. Tháng 01/2019, P được bổ nhiệm chức danh Thẩm tra viên. Ngày 01/11/2021, P được cho thôi việc. Quá trình công tác tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, P được lãnh đạo đơn vị giao nhiệm vụ tiếp công dân, nhận đơn thi hành án và giúp việc cho ông Nguyễn Ngọc T4 là Chấp hành viên. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 7/2021, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên P đã lợi dụng danh nghĩa cán bộ Thi hành án dân sự huyện L để gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Theo bản án dân sự sơ thẩm số 07/2014/DS-ST ngày 30/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Nam Định quyết định buộc ông Trần Ngọc S, sinh năm 1971; trú tại: Xóm Y, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định phải trả lại diện tích 271m² đất ruộng thuộc tờ bản đồ số 15, thửa 140 phụ 1 và 130m² tờ bản đồ số 15, thửa 139 phụ 8 tại xóm Y, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định cho ông Trần Ngọc H, sinh năm 1965 ở cùng địa chỉ. Ông H có trách nhiệm thanh toán cho ông S số tiền 105.803.000đ gồm tiền công đào đắp cải tạo ruộng thành ao thả cá, làm nhà cấp 4, di chuyển cây cối trên đất. Cuối năm 2014, ông H nhượng lại mảnh đất này cho bà Đặng Thị T nên đã uỷ quyền cho bà T thi hành án đối với bản án trên. Năm 2015, bà T đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện L nộp đơn thi hành án và được P tiếp nhận đơn nhưng không báo cáo lãnh đạo đơn vị, sau đó đã làm thất lạc đơn. Khoảng giữa năm 2019, bà T đề nghị P giải quyết đơn thi hành án đã nộp thì P tự tìm đến nhà bà T hướng dẫn các thủ tục thi hành án. Tháng 10/2019, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên P nảy ý chiếm đoạt tài sản của bà T bằng cách nói dối giải quyết được việc thi hành án để yêu cầu bà T đưa mình số tiền 105.803.000đ trả cho ông S theo quyết định của bản án để được nhận lại mảnh đất. Tin tưởng P, bà T đã đưa P 105.803.000đ tại nơi ở của mình và nhận lại từ P một tờ Liên 2 của Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 00126xx đề ngày 15/10/2019 có đóng dấu tròn đỏ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L trên góc trái. Sau khi nhận tiền của bà T, P đã chi tiêu cá nhân hết. Qua nhiều lần yêu cầu P trả lại tiền nhưng không được, ngày 01/11/2021 bà T làm đơn tố cáo hành vi của P đến Công an huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Vụ thứ hai: Ông Trần Văn T2, sinh năm 1932 (đã chết năm 2012) là bố đẻ anh Trần Văn T1, sinh năm 1973; trú tại: Thôn P, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/6/2004 đối với diện tích 788m² đất thuộc thửa 243, tờ bản đồ số 5 xã M, huyện L. Ông T2 đã cho anh Trần Văn T3, sinh năm 1978; trú tại: Thôn P, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định (em anh T1) mượn mảnh đất để thế chấp Ngân hàng V vay tiền làm ăn nhưng do thua lỗ, không trả được nợ nên Ngân hàng V khởi kiện. Ngày 20/9/2021, Tòa án

nhân dân huyện L, tỉnh Nam Định đã xét xử vụ án trên bằng bản án số 01/2017/KDTM-ST. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện L phát mại tài sản thế chấp và ông Nguyễn Ngọc T4 là Chấp hành viên được Chi cục trưởng giao nhiệm vụ thi hành. Khi đó, Lương Hồng P giúp việc cho ông T4 trong việc ghi biên bản và giao các quyết định, văn bản liên quan đến việc thi hành án nên biết anh T1 có nhu cầu mua lại thửa đất trên. Trong khoảng thời gian từ ngày 06/6/2021 đến ngày 17/7/2021, ông T4 nghỉ ốm không giao nhiệm vụ gì cho P nhưng do cần tiền nên P đã nảy ý gian dối để chiếm đoạt tài sản của ông T1. Ngày 07/7/2021, P tự đến nhà ông T1 hỏi có muốn mua lại thửa đất và được ông T1 đồng ý mua với giá khoảng 350.000.000đ thì P nói phải nộp 100.000.000đ để đặt cọc tại Trung tâm đấu giá. Tin tưởng P là cán bộ Chi cục Thi hành án dân sự huyện L nên anh T1 đã đưa P số tiền 100.000.000đ và P đã viết giấy biên nhận đề ngày 07/7/2021 với nội dung *“Tôi có cầm của chú T1 số tiền 100.000.000đ để làm cọc lấy lại mảnh đất của ông T2. Tôi hẹn với chú T1 đến ngày 20/8/2021 sẽ hoàn tất thủ tục lấy lại mảnh đất đó. Nếu không hoàn thành tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm...”*. Sau khi bị thất hứa, anh T1 nhiều lần liên hệ đòi tiền nhưng P không trả. Ngày 29/10/2021, anh T1 làm đơn tố cáo hành vi của P đến Công an huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Sau khi tiếp nhận tố cáo của bị hại, Công an huyện Mỹ Lộc đã tiến hành xác minh, khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra đối với P. Tại các kết luận giám định số 1502/KLGD-PC09 ngày 16/12/2021 và số 1530/KLGD-PC09 ngày 22/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định xác định chữ ký, chữ viết trong Liên 2 Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0012631 ghi ngày 15/10/2019 và trong giấy nhận tiền đề ngày 07/7/2021 là chữ ký, chữ viết của P. Tại Cơ quan điều tra, P khai nhận toàn bộ việc thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền của bà T và anh T1 như trên.

Về nguồn gốc tờ Liên 2 Biên lai số 00126xx được xác định lấy ra từ quyển Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 253 do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định cấp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện L để thu tiền phí, lệ phí dân sự và ông Nguyễn Ngọc T4 – Chấp hành viên là người được giao quản lý, sử dụng quyển Biên lai này. Quá trình giúp việc cho ông T4 đối với từng việc cụ thể, P được ông T4 giao viết Biên lai thu tiền nên đã tự ý lấy Liên 2 của Biên lai số 00126xx khi chưa được sử dụng để viết cho bà T. Đến khi Biên lai số 00126xx được sử dụng để thu tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Bản án số 314/2019/HS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đối với anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1992; trú tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định thì P không còn Liên 2 của Biên lai này để giao cho anh D.

Đối với ông Nguyễn Ngọc T4 – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện L là người được giao quản lý, sử dụng quyển Biên lai thu tiền phí, lệ phí số

253 được xác định khi giao cho P giúp việc viết biên lai thu tiền thi hành án đã bị P tự ý lấy Liên 2 của Biên lai số 0012631. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với ông T4.

Bản cáo trạng số 22/CT - VKSML ngày 01/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Lương Hồng P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự; xác định bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội” và “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại các điểm c, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo P thành khẩn khai nhận rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố; xác nhận các kết luận giám định về chữ viết, chữ ký của mình là đúng; bản thân bị truy tố là không oan và xin nhận trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội. Bị hại bà Đặng Thị T, anh Trần Văn T1 yêu cầu bị cáo phải trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Hồng P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; căn cứ áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm c, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù; buộc bị cáo phải trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại; trả lại cho bị cáo toàn bộ giấy tờ, tài liệu cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội. Bị cáo không bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Lộc cũng như Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc cũng như Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo, bị hại cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy lời khai bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án như: Đơn tố cáo và lời khai của bị hại; kết luận giám định chữ ký, chữ viết của Phòng kỹ thuật

hình sự Công an tỉnh Nam Định cũng như toàn bộ lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra. Từ các tình tiết chứng cứ này đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 7/2021, với danh nghĩa Thẩm tra viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Nam Định, Lương Hồng P bằng thủ đoạn gian dối của mình đã chiếm đoạt của bà Đặng Thị T, sinh năm 1965; trú tại: Xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định số tiền 105.803.000đ; chiếm đoạt của anh Trần Văn T1, sinh năm 1973; trú tại thôn P, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định số tiền 100.000.000đ; tổng cộng là 205.803.000đ (Hai trăm linh năm triệu tám trăm linh ba nghìn đồng). Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự; xác định bị cáo lợi dụng danh nghĩa cán bộ Thi hành án dân sự huyện L để hai lần gian dối chiếm đoạt tài sản; mỗi lần chiếm đoạt đều cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội” và “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại các điểm c, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo P là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là khách thể được pháp luật Nhà nước bảo hộ. Mặt khác, hành vi đó không những gây bất bình, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bản thân bị cáo do buông lỏng kỷ luật, không làm chủ được bản thân nên đã bị sa ngã trước cám dỗ vật chất trong cuộc sống. Việc bị cáo thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhà nước, trái với đạo đức xã hội. Vì vậy, bị cáo sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[4] Về trách nhiệm hình sự: Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, khách thể được pháp luật Nhà nước bảo hộ bị xâm phạm, động cơ mục đích phạm tội của bị cáo, hậu quả nguy hại cho xã hội thì việc cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục là thỏa đáng; đồng thời cũng mới đáp ứng được yêu cầu răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo ngoài tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội” và “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại các điểm c, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự thì trong quá trình khai báo bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước. Xét mức án Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này và sẽ cân nhắc để ấn định một mức án cụ thể, tương

xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời cũng đủ để cải tạo bị cáo thành công dân tốt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Đặng Thị T và anh Trần Văn T1 đều yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Do đó, buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[7] Về các giấy tờ thu giữ: Quá trình khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; 01 bằng cử nhân luật kinh tế; 01 chứng chỉ bồi dưỡng, quản lý Nhà nước chương trình chuyên viên; 01 chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng ngạch thư ký thi hành án dân sự; 01 chứng chỉ bồi dưỡng ngạch thẩm tra viên; 01 chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản đều mang tên bị cáo cùng với 01 quyển sổ, ngoài bìa có chữ Giáo án. Đây là các giấy tờ cá nhân của bị cáo, không phải là vật chứng của vụ án nên được trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự và bị cáo đã được trao trả ngay tại phiên tòa.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lương Hồng P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm c, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo P 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 30 tháng 12 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo P phải trả lại bà Đặng Thị T, sinh năm 1965; trú tại thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định số tiền 105.803.000đ (Một trăm linh năm triệu tám trăm linh ba nghìn đồng); trả lại anh Trần Văn T1, sinh năm 1973; trú tại thôn P, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng);

Án phí dân sự trong vụ án hình sự: Bị cáo phải chịu 10.290.150đ (Mười triệu hai trăm chín mươi nghìn một trăm năm mươi đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với khoản tiền phải thi hành án trên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi

hành án ra quyết định thi hành mà bị cáo không nộp thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền phải thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Mỹ Lộc;
- Công an huyện Mỹ Lộc;
- Trại giam CA tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quang